

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ
trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh
thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hoá và Thể thao**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-BVHTTDL ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 TTHC được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 02 TTHC trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao (*Danh mục TTHC kèm theo*).

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Văn hoá và Thể thao đồng bộ dữ liệu TTHC công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC của thành phố Huế theo đúng quy định.
2. Sở Văn hoá và Thể thao, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định số 776/QĐ-BVHTTDL ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Thay thế các thủ tục hành chính tương ứng được công bố tại các Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 (TTHC có số thứ tự 28, 29, 31); Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 (TTHC có số thứ tự 01, 03); Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 (TTHC có số thứ tự 26, 27); Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 (TTHC có số thứ tự 01, 02); ; Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 (TTHC có số thứ tự 01) của Chủ tịch UBND thành phố.

2. Bãi bỏ Quyết định số 3681/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc Công bố danh mục nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử gồm: Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh; Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn thành phố Huế.

3. Bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự 24, 25 tại Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Trung tâm PVHCC, Cổng TTĐT;
- Trung tâm PVHCC cấp xã;
- Lưu: VT, KSVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hữu Thuỳ Giang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO**

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh) (2.001740)	<i>05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT
2	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh) (2.001737)	<i>05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT
3	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (1.012080)	<i>06 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không quy định	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực

			(https://dichvucong.gov.vn)			hiện TTHC: Sở VH TT
4	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (1.012082)	<i>06 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT
5	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) (1.009397)	<i>05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	* (Có ghi chú kèm theo)	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT
6	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ	<i>10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT

	thuật thuộc Trung ương) (1.009398)					
7	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu (1.009403)	<i>05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	Nghị định số 116/2026/ NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT
8	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh (1.001029)	<i>10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	Nghị định số 116/2026/ NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT
9	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (1.001008)	<i>10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là 10.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	Nghị định số 116/2026/ NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở VH TT - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở VH TT

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

10	Nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh - cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự - cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (1.014475)	Không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Người nộp hồ sơ thanh toán lệ phí của hồ sơ đăng ký thực hiện thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke tại thời điểm nộp hồ sơ theo thông báo trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và tin nhắn SMS theo các phương thức sau: a) Chuyển vào tài khoản thụ hưởng của cơ quan có thẩm quyền. b) Trực tuyến thông qua chức năng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia và các nền tảng thanh toán hợp lệ khác. 8.2. Lệ phí đăng ký thực hiện nhóm thủ tục hành chính không được hoàn trả cho người nộp trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp Giấy phép. 8.3. Mức thu phí, lệ phí của nhóm thủ tục hành chính, bao gồm: a) Lệ phí đăng ký thành lập hộ kinh doanh: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). b) Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh: 300.000 đồng (theo Điều 4 Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính). c) Phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã: Thực hiện cấp Giấy chứng nhận Thành lập hộ kinh doanh; - Công an cấp xã: Thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; - Ủy ban nhân dân cấp xã: Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.
----	---	---	--	---	---	--

				karaoke (theo Điều 4 Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính): 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.		
--	--	--	--	--	--	--

*** Ghi chú:**

Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định:

Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:

STT	Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)
1	<i>Đến dưới 50 phút</i>	<i>1.000.000</i>
2	<i>Từ 50 đến dưới 100 phút</i>	<i>1.400.000</i>
3	<i>Từ 100 đến dưới 150 phút</i>	<i>2.000.000</i>
4	<i>Từ 150 đến dưới 200 phút</i>	<i>2.340.000</i>
5	<i>Từ 200 phút trở lên</i>	<i>3.500.000</i>

Trường hợp miễn phí

Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia.

Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	Xuất bản	Sở Văn hóa và Thể thao
2	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026	Xuất bản	Sở Văn hóa và Thể thao

*** Ghi chú:**
- Nội dung cụ thể về Quyết định công bố danh mục TTHC truy cập trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ